

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2025/DS-ST**.

Ngày: 17 /01/2025.

*“V/v: **Kiện tranh chấp**  
**hợp đồng vay tài sản**”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;
2. Bà Vương Thị Hội;

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang. Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024, về việc *“**Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS, ngày 09/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST- DS, ngày 25/12/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Duy C, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: + Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1964;

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm, 1968;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện K, Gia Lai.

*Ông C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đ và bà P lần thứ hai đều vắng mặt tại phiên tòa;*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo nội dung đơn khởi kiện; bản tự khai ngày 16/10/2024; biên bản hòa giải ngày 18/11/2024, nguyên đơn ông Tạ Duy Cường trình bày:**

Ông với ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P, có địa chỉ tại thôn H, xã K, huyện K, Gia Lai là chỗ quen biết đã lâu, nên từ tháng 02/2023 đến tháng 7/2023, ông Đ, bà P có hỏi và được ông cho vay mượn, tổng số tiền là 130.600.000 đồng (một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), mục đích để trả lãi Ngân hàng và xử lý công việc gia đình. Đến ngày 05/06/2024, ông và ông Đ, bà P cùng thống

nhất và xác định lại số tiền mà ông Đ, bà P còn nợ ông là 130.600.000 đồng; ông Đ, bà P đều tự nguyện ký, ghi rõ họ tên bên vay vào góc phía dưới Giấy vay mượn tiền và giao lại Giấy vay mượn tiền cho ông giữ. Từ thời điểm ông cho mượn tiền đến nay đã lâu, ông đã nhiều lần trực tiếp gặp ông Đ, bà P và yêu cầu ông Đ, bà P lo thu xếp trả nợ cho ông nhưng ông Đ, bà P không trả nên ông làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Kbang. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kbang giải quyết, buộc ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P phải trả ngay cho ông số tiền còn nợ là 130.600.000 đồng (một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

**Tại Bản tự khai ngày 11/11/2024 và Biên bản hòa giải ngày 18/11/2024, bị đơn ông Võ Văn Đ1 bày:**

Ông Đ thừa nhận là ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị P có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là N hàng An B), nhưng do điều kiện khó khăn nên ông bà không trả tiền lãi cho Ngân hàng A theo đúng kỳ hạn được; do ông C là nhân viên trong Ngân hàng An Bình nên ông có nhờ ông C đứng ra trả lãi dùm cho vợ chồng ông bà mấy tháng và sau đó thì ông C không trả nữa. Sau khi kết thúc hợp đồng vay thì vợ chồng ông bà đến Ngân hàng A1 trả nợ, xóa thế chấp và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C nói vợ chồng ông bà ghi giấy xác nhận nợ cho ông C là Giấy vay mượn tiền, do ông C nộp cho Tòa án làm chứng cứ chứ không phải nhận tiền trực tiếp từ ông C. Nay ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả cho ông C số tiền 130.600.000 đồng (một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), thì vợ chồng ông thừa nhận có nợ ông C số tiền nợ trên, nhưng do điều kiện khó khăn nên ông bà chưa trả được cho ông C.

**Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P:** Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã nhiều lần triệu tập bà P làm việc cũng như tham gia các phiên công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa, nhưng bà P1 có mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà P2 mặt nên không tiến hành hòa giải cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án được.

Tại phiên tòa mở vào ngày 25/12/2024 và phiên tòa hôm nay, ông Đ2 bà P3 vắng mặt nên không trình bày thêm được quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:** 01 Giấy A4 đánh máy và ghi tay, đầu đề ghi Giấy vay mượn tiền... có nội dung ngày 05/6/2024... ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P từ tháng 2/2023 đến tháng 7/2023 ông C đã cho vợ chồng ông Đ và bà P4 vay mượn số tiền 130.600.000 đồng... kết thúc nội dung này có chữ ký ghi rõ họ tên của bên vay Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P (bản chính); 03 Căn cước công dân mang tên ông Tạ Duy C; ông Võ Văn Đ; bà Nguyễn Thị P (bản pho to);

**Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:** Nguyên đơn ông Tạ Duy C, sinh năm 1988; địa chỉ tại tổ dân phố F, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Bị đơn ông Võ Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968; cùng địa chỉ

tại thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Nguyên đơn ông Tạ Duy C và bị đơn ông Võ Văn Đ đã thống nhất số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 130.600.000 đồng (một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), điều này được thể hiện qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Tạ Duy C, ông Võ Văn Đ tại hồ sơ vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]Về tố tụng dân sự:** Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn ông Tạ Duy C và bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P5 tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản. Quan hệ này được hai bên xác nhận bằng văn bản hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Ông C là chủ thể có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **[2]Về nội dung giải quyết vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Duy C, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Quan hệ pháp luật vay nợ giữa ông C và ông Đ, bà P được hai bên xác lập bằng văn bản là bản gốc Giấy vay mượn tiền ngày 05/6/2024, nội dung ông Đ, bà P vay của ông C số tiền 130.600.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*), bên vay là ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P đều ký, ghi rõ họ tên; Về phía bị đơn là ông Đ cũng thừa nhận là có nợ nguyên đơn ông C số tiền 130.600.000 đồng và ông Đ3 thừa nhận chứng cứ do ông C giao nộp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện là đúng. Về việc trả nợ thì bị đơn ông Đ1 bày do điều kiện khó khăn nên bị đơn ông Đ4 trả được cho ông C. Việc bà P không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng đã được nhận các văn bản nên cũng đã biết rõ việc ông C khởi kiện.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, hiện bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P6 còn nợ nguyên đơn ông Tạ Duy C 130.600.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Duy C, buộc bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P7 trả cho nguyên đơn ông Tạ Duy C số tiền 130.600.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*).

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tạ Duy C2 chấp nhận toàn bộ nên ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn ông Võ Văn Đ, bà Nguyễn Thị P7 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 130.600.000 đồng x 5% = 6.530.000 đồng (*sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468; 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Duy C, buộc bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P phải trả cho nguyên đơn ông Tạ Duy C số tiền nợ gốc là 130.600.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án (ông C) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (ông Đ, bà P) thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.530.000 đồng (*sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Tạ Duy C3 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.265.000 đồng (*ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002365 ngày 16/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

*thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

-TAND tỉnh Gia Lai;

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-VKSND huyện Kbang;

-Chi cục THADS huyện Kbang;

- Các đương sự;

- Lưu HSVA,VPTA.

**Đỗ Thị Lành**